

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án số: 01/2019/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo như sau:

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 nguyên đơn Nông Xuân N có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Ban giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân huyện T có trách nhiệm thu hồi khoản tiền 190.421.600đ đã chi trả sai cho Nông Văn Q và Trần Thị B trú tại thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để trả lại cho gia đình ông N.

XÉT THẤY:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự
Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản giữa:

Nguyên đơn: Nông Xuân N

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lý Thị Nhung
– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao

Bằng.

Bị đơn: Nông Văn Q

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
- Trần Thị B

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

3. Về án phí: Ông Nông Xuân N phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí để sung công quỹ Nhà nước, xác nhận ông N đã nộp 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AB/2012/02096 ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nay ông Nông Xuân N được hoàn lại 3.850.000đ (*Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng
- CCTHADS huyện T
- TAND huyện T
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nông Hà Nam

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 69-DS:

(1) và (2) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày.... tháng....năm.... nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân

sự, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (nếu có).

